

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

DẤU ẤN TƯ DUY - VĂN HÓA CỦA CƯ DÂN BIỂN THANH HÓA QUA TÊN GỌI NGHỀ CÁ

CULTURAL-THINKING IMPRINTS OF THANH HOA FISHERMEN
THROUGH THE NAMING OF THEIR FISHING

NGUYỄN VĂN DŨNG

(ThS; Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

Abstract: Language functions as the communicative tool, the reflection of the thinking as well as the preservation of culture-related items. From the perspective of language study on the naming of the fishing, the author points out the ways of naming the tools, the means and “the fishes” in both the mind of fishermen and the folk poetry to outline the cultural thinking of a fishing community in Thanh Hoa province.

Key words: Cultural-thinking; fishermen; Thanh Hoa; fishing.

1. Đặt vấn đề

Đặt Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á, Phạm Đức Dương đã có nhận xét rằng: “Văn hóa Việt Nam là một phức thể bao gồm ba yếu tố: văn hóa đồng bằng, văn hóa núi và văn hóa biển” [3;478]. Thanh Hóa cũng là vùng đất hội tụ đầy đủ ba yếu tố văn hóa trên. Trong tâm thức về biển, so với lịch sử người nguyên thủy định cư khoảng 40 vạn năm ở Thanh Hóa (qua di chỉ văn hóa Núi Đọ, Thiệu Hóa) thì người Việt cổ lại tiến ra biển muộn và chậm hơn rất nhiều. Công cuộc xâm nhập biển của người Việt ở Thanh Hóa cách nay khoảng 5000 - 6000 năm qua di chỉ khảo cổ học văn hóa Hoa Lộc (Hậu Lộc) - một huyện ven biển của Thanh Hóa. Tuy nhiên, so với vùng biển Bắc Bộ thì biển ở Thanh Hóa lại được khai thác sớm và có nhiều đặc điểm, dấu ấn của cư dân biển, với nhiều giá trị văn hóa đặc sắc. Để góp phần phác thảo những nét tư duy văn hóa về nghề biển truyền thống xứ Thanh, từ góc độ ngôn ngữ khi nghiên cứu tên gọi nghề cá, bài viết này nghiên cứu tên gọi nghề cá từ góc độ ngôn ngữ, chúng tôi tập trung khảo sát các cách thức định danh gọi tên công cụ, phương tiện đánh bắt cá và tên gọi “cá” trong tâm

thức ngư dân, trong thơ ca dân gian để phác thảo ra nét tư duy văn hóa của một cộng đồng cư dân sống bằng nghề biển ở Thanh Hóa.

2. Những khảo sát cụ thể

2.1. Về phương tiện và công cụ nghề cá, ở Thanh Hóa có các phương tiện và công cụ với tên gọi phổ biến là *thuyền*, *lưới*, *bè*; các tên gọi phái sinh được dựa trên đặc điểm, đặc trưng khác nhau mà ngư dân lựa chọn phản ánh.

Thứ nhất, phương tiện đánh bắt gọi là *thuyền* ở vùng biển Thanh Hóa có 17 từ ngữ phái sinh được dùng làm định tố, trong đó yếu tố “*thuyền*” đóng vai trò là chỉ loại, yếu tố đứng sau đóng vai trò phân loại. Phương thức định danh phổ biến là dựa vào đặc trưng hình dáng, cấu trúc: *thuyền thúng* (thuyền giống cái thúng); *thuyền vỏ dừa* (có tên gọi khác là *thuyền ké*, hình giống quả dừa); *thuyền buồm* (thuyền 3 cột, chạy bằng buồm); *thuyền ba vách* (thuyền nhỏ có ba vách ngăn); *thuyền cò năm ván* (thuyền nhỏ, hình giống con cò, có 5 ván gỗ ghép lại, có 3 buồm); *thuyền cò bảy ván* (thuyền nhỏ, hình giống con cò, có 5 ván gỗ ghép lại, có hai buồm); *thuyền mảnh* (buồm trông giống cái mảnh); *thuyền nan* (thuyền được đan bằng tre, nứa, vầu). Mặt khác, còn có cách định danh dựa vào phương thức đánh bắt, ví dụ: *thuyền câu* là loại thuyền dùng để đi

chuyên trên biển câu các loại cá, mực; *thuyền chài* dùng để di chuyển khi quăng chài lưới; *thuyền vây* là loại thuyền khi phát hiện đàn cá thì dùng thuyền vây lưới kín; *thuyền gõ* là loại thuyền khi đi đánh cá dùng cái gậy gõ vào cạnh thuyền để dụ cá vào lưới.

Thứ hai, *lưới* (có nơi gọi là *giã*) là công cụ, phương tiện không thể thiếu của nghề cá. Ngoài từ *lưới* chung cho toàn dân, thì người Thanh Hóa dùng 82 từ phái sinh khác nhau để gọi tên các loại lưới. Trong đó, có các cách định danh phổ biến là: theo đặc điểm kích thước mắt lưới có các tên gọi như *lưới then một*, *lưới then hai*, *lưới then ba*, *lưới then bốn*, *lưới then năm*...; theo đặc trưng kiểu đánh bắt có các tên gọi như *lưới vây*, *lưới rê*, *lưới rút*, *lưới văng*, *lưới gõ*, *lưới kéo lưới giăng*, *lưới quây*, *lưới đèn*...; theo chất liệu có các tên gọi như *lưới cước*, *lưới gai*, *lưới nilông*...; theo đối tượng đánh bắt có các tên gọi như *lưới cua*, *lưới moi*, *lưới mực*, *lưới tôm*, *lưới ruốc*....

Thứ ba, *bè* (*bè mảng*) là phương tiện đánh bắt phổ biến. Thực tế, Thanh Hóa là vùng biển có nhiều cửa sông lớn (Lạch Sung, Lạch Hới, Lạch Trường, Lạch Bạng, Lạch Ghép) nhưng cũng là vùng biển nhiều bãi ngang, mực nước rất cạn. Do vậy, tàu thuyền nhất là tàu thuyền loại lớn rất khó khăn mỗi khi đánh bắt cũng như neo đậu tránh bão. *Bè mảng* chính là phương tiện thích hợp nhất trong điều kiện như trên (có thể nguyên liệu làm bè mảng dễ dàng). Trước kia, ngư dân Thanh Hóa dùng *bè luồng* (được ghép lại từ những cây luồng - vật liệu phổ biến), nay có thêm *bè xốp* (ở giữa bè có gắn thêm lớp xốp để tăng khả năng di chuyển).

Việc định danh một đối tượng, thường con người lựa chọn một hoặc nhiều dấu hiệu, đặc trưng của đối tượng đó làm cơ sở cho việc gọi tên. Có thể, đó là những dấu hiệu mang tính căn bản, quan trọng, nhưng cũng có thể dấu hiệu không quan trọng nhưng lại có chức năng khu biệt với đối tượng khác. Do vậy, sự vật được định danh là kết quả của quá trình tư duy nhận thức của con người. Tư duy nhận thức ấy

thường bị chi phối bởi yếu tố lịch sử, văn hóa, dân tộc có liên quan đến đối tượng gọi tên. Qua việc miêu tả 3 chỉ công cụ, phương tiện nghề cá ở Thanh Hóa (*thuyền*, *lưới*, *bè*) cho thấy, cư dân biển Thanh Hóa khi gọi tên công cụ, phương tiện đánh bắt thường dựa vào các yếu tố như: hình dáng, cấu trúc; mục đích đánh bắt; phương thức đánh bắt; chất liệu tạo nên phương tiện công cụ đánh bắt; đối tượng đánh bắt; môi trường tự nhiên. Vì thế, về cơ bản, những từ được định danh theo những phương thức như trên đều có tính lí do, giải thích được.

Như vậy, tuy cùng phản ánh một sự vật nhưng số lượng từ địa phương bao giờ cũng phong phú, lớn hơn nhiều so với từ toàn dân. Thậm chí, ngay cùng một loại ngư cụ có nhiều tên gọi khác nhau dựa vào cách thức định danh. Đó là kết quả của quá trình tri nhận, phản ánh dấu ấn tư duy - văn hoá một cộng đồng dân tộc khi định danh.

2.2. Nghề đi biển gắn liền với đời sống sản xuất, sinh hoạt của ngư dân từ xưa đến nay. Truyền thống kinh nghiệm đi biển đã được đúc rút truyền lại cho các thế hệ con cháu, tạo cho họ tri thức kinh nghiệm nghề biển, tinh thông luồng lạch, cồn bãi, ngư trường đánh bắt, thời tiết. Từ ngữ nghề cá đã đi vào ca dao, dân ca địa phương như một món ăn tinh thần và cũng là sắc thái văn hóa địa phương, mang đậm dấu ấn nghề nghiệp nghề biển xứ Thanh.

Số lượng lớn của lớp từ ngữ chỉ “cá” và liên quan đến nghề cá trong nghề nghiệp nghề biển ở Thanh Hóa không chỉ phản ánh sự phong phú về hiện thực nghề cá, nhiều loại cá được ngư dân phản ánh qua gọi tên mà còn cho thấy tư duy nhận thức cụ thể theo những đặc trưng lựa chọn mang tính biệt loại rõ ràng. Chẳng hạn, ở tên gọi *mực* theo nghĩa chung toàn dân, người xứ Thanh (cũng có thể là nhiều nơi khác) phân ra làm nhiều tên gọi khác nhau, chủ yếu dựa vào đặc trưng hình thức, hình dáng, kích cỡ: *mực lá*, *mực com*, *mực ống*, *mực nang*, *mực tuộc*, *mực gai*, *mực trung*, *mực thước*, *mực ván*, *mực cóc*...; tên gọi cá

có: cá bạc má, cá bả trâu, cá bè, cá chuồn, cá chim sém, cá chim trắng, cá hồng đỏ, cá hồng lang; tên gọi tôm có: tôm he, tôm he vằn, tôm lửa, tôm hùm, tôm sấu, tôm võ... Con người khi định danh gọi tên sự vật, hiện tượng dựa trên nhiều biểu hiện, đặc trưng, cấu trúc, hoạt động, thuộc tính của sự vật hiện tượng được gọi tên. Do vậy, những phương thức, cách thức định danh là rất đa dạng, phong phú. Qua khảo sát vốn từ ngữ nghề cá ở Thanh Hóa, ngoài cách định danh phổ biến là dựa vào đặc trưng tính chất, hình thức, còn có cách định danh phản ánh môi trường sinh sống như: cá mú đất (cá biển họ cá mú, sống sát mặt đất), cá đóm khơi (cá đóm sống xa bờ, khó đánh), cá đóm lộng (cá đóm sống gần bờ), cá ăn tầng giữa (những loại cá có thói quen ăn thức ăn tầng giữa), cá ăn tầng mặt (những loại cá có thói quen ăn tầng trên mặt nước), cá đáy (những loại cá có thói quen ăn tầng đáy); cua bể (cua sống ở biển); cua đá (cua sống gần hốc đá); cách định danh dựa vào đặc điểm cấu tạo cơ thể: cua thịt (cua đến tuổi trưởng thành, nhiều thịt), cua gạch (loại cua cái, có trứng, màu gạch nung), cá cẵng (thân hình bầu dục dài, viên bụng cẵng đều), cá mập (thân hình to lớn)... Qua tên gọi về nghề cá, chúng tôi nhận thấy người xứ Thanh cũng có thói quen tri nhận-phản ánh là, nếu không dựa vào đặc điểm hình dáng, đặc điểm cấu tạo cơ thể để phân chia thì cũng thường dựa vào đặc điểm các thời kì sinh trưởng của cá để gọi tên cụ thể. Chẳng hạn: cá lụ (nụ) khi mới đẻ gọi là cá chét chèo, khi lớn lên gọi là cá chét, khi trưởng thành gọi là cá lụ; cá gúng (góc), lúc nhỏ gọi là cá úc, khi lớn lên gọi là cá gục, khi trưởng thành gọi là cá gúng (góc); cá com là một giống cá biển cùng họ cá trích, loại lớn nhất mình to hơn chiếc đũa con, hai bên mình có sọc trắng dài. Ở Thanh Hóa, ngư dân gọi loài cá này bằng bốn tên gọi: loại cá com nhỏ nhất gọi là cá com trổng (trổng là vật dụng được vót và đan từ tre, nứa); cá com than có hai sọc trắng bên hông, bụng màu trắng, loại lớn hơn, thịt đỏ hồng hai bên thân không có

sọc trắng gọi là cá com đỏ; cá com to vừa, đầu có vết tròn sáng bạc quanh mắt gọi là cá com bạc; cá đối thân dài, tương đối tròn, bụng màu trắng bạc, lưng màu xanh gọi là cá đối khi nhỏ, đến khi trưởng thành gọi là cá còi.

Qua tên gọi của một số từ phái sinh có ý nghĩa định danh phân loại, có thể thấy thực tế phong phú của thuộc tính đối tượng, tính chất gần gũi gắn bó quen thuộc của hiện thực nghề cá đối với đời sống ngư dân Thanh Hóa.

2.3. Tên gọi cá và nghề cá cùng những sự vật có liên quan không những phản ánh đời sống lao động vật chất mà còn trở thành biểu tượng đời sống tinh thần của người dân xứ Thanh. Con cá, con mực, thuyền, lưới..., cũng đã đi vào thơ dân gian, đi vào thành ngữ, tục ngữ địa phương, trở thành hình ảnh biểu trưng cho lịch sử, văn hóa.⁽¹⁾

Trong tâm thức người Việt, cá là con vật quen thuộc trong đời sống sinh hoạt hàng ngày và ngay cả trong đời sống tâm linh: biểu trưng cho sự tranh giành (cá lớn nuốt cá bé), cho sự tự do (cá bể chim trời), cho hoàn cảnh hiem nghèo (cá nằm trên thớt), mắc mưu kẻ hoặc bị mua chuộc (cá cắn câu), cảnh sống bó buộc, tù túng, mất tự do (cá chậu chim lồng) [1]. Trong bữa cơm của người Việt, cá có vai trò quan trọng: có cá đồ vạ cho com, cắt cá hơn lá rau. Ở vùng biển Thanh Hóa, ngư dân đã có những bài vè về đặc trưng môi trường sống, tính chất nhận biết riêng biệt giá trị của từng loài cá, chi tiết, cụ thể và phải chăng chỉ có thể là người xứ Thanh mới tường tận đến như vậy: Kể từ cái giống cá thu/Ngoài khơi về tiết sương mù lấm thay/ Cá chim như cái bánh giày/ Thịt bùi, cái thủ, cái vây đều mềm/Cá hồng chịu khó làm em/Cá dưa cũng được theo liền tháng tư/Cá ông lão tường lừ đừ/Ai ngờ thu cũng phải từ mặt ra/Gò nghề chịu khó đi xa/Nục chạch, bạc má nấu kho mang về/Tôm hùm cho chí tôm he/Ăn tươi chả hết ăn dè dề phơi/Ai sinh cái giống đuối dơi/Đuôi dài đủ trượng làm roi đánh người/Cá làm chặt thủ đem phơi/Ăn ngon chả kém cá tươi mới kỳ/Cá nhám chỉ quý vây vi/Lòng ăn thì béo

*thịt thì ăn kha/Cá kìm, cá hổ mỏ dài/So tiền
hổ đất gấp hai lần kìm/Kẻ sáng giống cá lăm
xương/Làm vua cá bẹ, làm vương cá môi/Cá
lạnh đầu nhĩ hơi dài/Tớ cũng tranh thầy ăn
gỏi trừ cơm/Kẻ chi giống cá thồn bơn/Nằm
trên bãi cát đợi cơn mưa rào/Kẻ chi giống
cá dàu dàu/Ăn cơm với muối ra mầu lại
ngon/Kẻ cho giống cá chuồn chuồn/Khi vui
nó lội, khi buồn nó bay/Dù cho cá trích hơi
gầy/Còn hơn cá dõn đắp đầy chan chan/Cá
khoai, cá mực, cá vàng/Kẻ quê thì phải giàu
sang mới từng...*

Ở vùng biển Thanh Hoá, xuất hiện nhiều địa danh mang trong mình đặc sản có liên quan đến nghề cá: *phi Cầu Sài* (Hoàng Hoá), *nước mắm Do Xuyên* (Tĩnh Gia), *nước mắm Cự Nham* (Quảng Xương); *gỏi nhệch (lệch) Nga Sơn* (Nga Sơn), *Tôm cửa Vích* (Hậu Lộc), *cá trích Lạch Trào* (Quảng Xương)... Trong tâm thức của người Thanh Hóa, nghề cá rất vất vả, gian truân và cũng đầy hiểm nguy, khiến sinh mệnh của ngư dân biển vô cùng bấp bênh: *Công anh đi biển cho hu/Đầu năm chí tối không dư đồng nào; Ăn thời những mẹ cùng con, sóng bở như cồn chỉ một mình anh; Ra khơi những bạn cùng trai, một cơn tố lật, vợ ngồi hu hu.* Cá là thức ăn thường ngày nhưng khi được chế biến lại trở thành món quà chợ quen thuộc ngày xưa: *Bún giá cá ruốc.* Cá gắn bó với cuộc sống thường nhật và tình cảm hồn nhiên của người dân xứ Thanh như một lẽ tự nhiên: *Muốn ăn con cá dưa dài/Đem con mà gả cho trai xóm Bè⁽²⁾/Mình về ta những âu sầu/Còn như thả lưới, bể sâu khôn dò/Bể sâu thời đánh cá to/Tốt gió lại chạy buồm lò cho êm/Mành kia lại có Nóc Kên⁽³⁾/Gõ vênh khéo lựa mới nên thợ tài; Đói ta như vợ chồng sam/Nước to sóng cả vẫn cặp cang bên nhau; Trông trời cho đến tháng ba/Con trích, con chà, đây lẳng, đây khoang. Rõ ràng, cá là hình ảnh mang nhiều ý nghĩa biểu trưng, đa diện trong đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của ngư dân Thanh Hóa.*

3. Qua một vài miêu tả như trên, chúng ta thấy được sự phong phú vốn từ vựng nghề cá ở Thanh Hóa, phản ánh thực tế khách quan với bức tranh đa sắc màu của cuộc sống nghề biển. Mặt khác, với nhiều phương thức định danh khác nhau phần nào thể hiện cách lựa chọn các đặc trưng sự vật, cách phân cắt thực tế khách quan nghề cá để phản ánh vào ngôn ngữ. Đó là kết quả của quá trình tri nhận, tư duy của cộng đồng ngư dân, thể hiện sắc thái văn hóa riêng. Chỉ qua vài lớp từ nghề cá ta cũng nhận thấy tính cách, lối sống, tư duy, nét văn hóa ấy vừa là chung nhưng cũng rất riêng của người xứ Thanh.

Chú thích:

(1) *Các câu thành ngữ, tục ngữ, ca dao, về Thanh Hóa xem tài liệu tham khảo 2, 5.*

(2) *Xóm Bè:* một làng làm nghề đánh cá phía Bắc làng Diêm Phố - Hậu Lộc - Thanh Hóa.

(3) *Nóc Kên:* loại thuyền lớn, sức chở nhiều ở Hậu Lộc - Thanh Hoá

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng Canh (2009), *Sự tri nhận và biểu trưng qua tên gọi “cá” trong phương ngữ Nghệ Tĩnh.* Kỷ yếu hội thảo Ngữ học trẻ, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Đại học Cần Thơ, 4/2009.

2. Đảng ủy - Ủy ban Nhân dân xã Ngư Lộc (1992), *Địa chí Diêm Phố - Ngư Lộc.* Sở Văn hóa Thông tin Thanh Hóa.

3. Phạm Đức Dương (2007), *Việt Nam - Đông Nam Á ngôn ngữ và văn hóa.* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

4. Cao Xuân Hạo (2001), *Ngôn ngữ và văn hoá,* in trong *Tiếng Việt văn Việt người Việt.* Nxb Trẻ.

5. Lê Huy Trâm, Hoàng Tuấn Phổ, Lưu Đức Hạnh (1993), *Tục ngữ, dân ca, ca dao, về Thanh Hóa.* Nxb Thanh Hóa.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 17-03-2014)